

Số: 586/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La  
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;  
Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;  
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;  
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và  
nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội;  
Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc  
hội về Quy hoạch Tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;  
Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc  
hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;  
Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc  
hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;  
Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã  
của tỉnh Sơn La năm 2025;  
Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của  
Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09  
tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch Tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 -  
2030, tầm nhìn đến năm 2050;  
Căn cứ Nghị quyết số 66.3/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính  
phủ về tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch  
sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê  
duyet điều chỉnh;  
Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc  
hội về việc quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong  
tổ chức thi hành Luật Đất đai;  
Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;  
Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ  
tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn  
đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/ĐH ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh phê duyệt nội dung Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần điều chỉnh;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định số 05/BC-HĐTD ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Nghị quyết số 620/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về việc thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 176/TTr-STC ngày 27 tháng 02 năm 2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

### **I. PHẠM VI, RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH**

- Phạm vi, ranh giới điều chỉnh Quy hoạch gồm toàn bộ tỉnh Sơn La có diện tích tự nhiên là 14.108,89km<sup>2</sup>, gồm 75 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 67 xã và 8 phường.

- Tỉnh Sơn La có ranh giới tọa độ địa lý từ **20°39'** đến **22°02'** vĩ độ Bắc; từ **103°11'** đến **105°02'** kinh độ Đông; phía Bắc và Tây Bắc giáp tỉnh Lai Châu và tỉnh Lào Cai; phía Đông giáp tỉnh Phú Thọ; phía Tây giáp tỉnh Điện Biên; phía Nam giáp tỉnh Thanh Hóa và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

### **II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN, CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN**

#### **1. Quan điểm phát triển**

a) Phát triển tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của các quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng; gắn với phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

b) Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế đặc thù của tỉnh; phát huy các động lực tăng trưởng mới về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xác định đây là đột phá chiến lược, động lực then chốt, xuyên suốt trong toàn bộ thời kỳ quy hoạch. Phát triển kinh tế theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, nhanh và bền vững; chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; từng bước hình thành kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; trong đó công nghiệp năng lượng, khai khoáng, chế biến, chế tạo là nền tảng, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và du lịch là các ngành mũi nhọn.

c) Phát triển xã hội văn minh, bền vững, bảo đảm các chỉ tiêu và hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội. Sắp xếp, phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn theo hướng tập trung, hiệu quả; ưu tiên phát triển các đô thị có vai trò động lực, tạo nhiều việc làm và dịch vụ xã hội, gắn với các khu, điểm kinh tế chuyên ngành; đồng thời bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, gắn phát triển văn hóa với giảm nghèo bền vững.

d) Tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đồng bộ, hiệu quả, gắn với các vùng chức năng và hành lang kinh tế; tăng cường liên kết nội vùng, liên kết vùng; phát huy lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh của từng địa phương. Phát triển và quản lý đô thị theo hướng xanh, thông minh, tiết kiệm tài nguyên, bảo đảm phân bố không gian hợp lý, cân đối lãnh thổ, phù hợp điều kiện tự nhiên và yêu cầu quốc phòng, an ninh.

đ) Phát triển kinh tế - xã hội và kết cấu hạ tầng gắn với bảo vệ môi trường, quản lý, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên; giữ vững cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Khai thác, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả, hài hòa lợi ích, bảo đảm công bằng, phù hợp khả năng nguồn nước và điều kiện tự nhiên.

e) Gắn phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, hợp tác phát triển. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao năng lực quản trị địa phương, cải cách hành chính; phát triển doanh nghiệp, thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào các lĩnh vực năng lượng, du lịch, chế biến nông sản và phát triển đô thị.

## **2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030**

### **a) Mục tiêu tổng quát**

Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Sơn La phát triển nhanh, toàn diện, bền vững và bao trùm; trở thành tỉnh phát triển khá của vùng trung du và miền núi phía Bắc, là trọng điểm du lịch của khu vực biên giới Việt Nam - Lào và vùng trung du và miền núi phía Bắc; trung tâm chế biến nông sản của vùng. Tăng cường kết nối với các trung tâm kinh tế - xã hội lớn của vùng, cả nước và khu vực tiểu vùng Mê Công, các nước láng giềng và ASEAN; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, góp phần phát triển vùng và cả nước.

Phát triển Sơn La theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, đô thị và nông thôn; trong đó nông nghiệp ứng dụng công

nghệ cao, du lịch sinh thái - văn hóa - lịch sử, đô thị thông minh và nông thôn mới giàu bản sắc là các trọng tâm; công nghiệp theo hướng xanh và hệ thống đô thị quy mô hợp lý là các lĩnh vực ưu tiên. Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng; tăng cường liên kết phát triển với các tỉnh trong vùng và cả nước; bảo đảm phát triển bền vững về môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về kinh tế:

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt trên 10%/năm.

(2) Cơ cấu kinh tế giai đoạn 2026-2030: nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 17-18%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 33-34%; dịch vụ chiếm khoảng 43-44%.

(3) GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 100-120 triệu đồng/người.

(4) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2030 đạt trên 8.000 tỷ đồng.

(5) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026-2030 đạt trên 180.000 tỷ đồng.

(6) Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 đạt khoảng 20-30%. Chỉ tiêu đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt 45%. Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đạt tối thiểu 3% tổng chi ngân sách.

(7) Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2030 đạt khoảng 31,5%.

- Về văn hóa - xã hội:

(8) Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,7.

(9) Tuổi thọ trung bình đạt trên 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe đạt trên 68 năm.

(10) Tối thiểu 53% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương đương từ 36 xã trở lên); phấn đấu đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

(11) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 75%; trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 40%.

(12) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030: mầm non đạt 80%, tiểu học đạt 82%, trung học cơ sở đạt 86%, trung học phổ thông đạt 98%.

(13) Tổng lượt khách du lịch đạt 9 triệu lượt khách/năm.

(14) Số bác sĩ đạt 9,5 bác sĩ/10.000 dân; số giường bệnh đạt 34,5 giường bệnh/10.000 dân.

(15) Phấn đấu đến năm 2030 đạt 80% gia đình văn hóa; 65% bản, tiểu khu, tổ dân phố văn hóa; 98% cơ quan, đơn vị văn hóa; có 03 phường đạt chuẩn văn minh đô thị.

(16) Phấn đấu 35% dân số tham gia tập luyện TDTT thường xuyên, khoảng 30% số hộ gia đình đạt tiêu chí “gia đình thể thao”; 100% trường mầm non và phổ thông thực hiện chương trình GDTC đầy đủ, trên 95% cơ sở giáo dục tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa; 100% cán bộ, công chức, viên chức và chiến sĩ lực lượng vũ trang tham gia tập luyện thường xuyên, tỷ lệ đạt chỉ tiêu rèn luyện cao.

(17) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2030 đạt 96%.

(18) Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn đến năm 2030 đạt khoảng 60%.

- Về môi trường:

(19) Tỷ lệ che phủ rừng ổn định đến năm 2030 đạt 48,5%.

(20) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt 98%.

(21) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý đạt 93%.

(22) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt trên 98%.

(23) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom dưới 50%.

(24) Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đạt trên 50% đối với đô thị loại II trở lên và trên 20% đối với các đô thị còn lại.

(25) 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

- Về quốc phòng, an ninh:

(26) Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền, an ninh biên giới; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; củng cố khu vực phòng thủ tỉnh; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh đối ngoại biên phòng, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

(27) Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu; phấn đấu đến năm 2030, 100% xã, phường, cơ quan, đơn vị, trường học không có ma túy; 100% cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

c) Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, tỉnh Sơn La trở thành một cực phát triển quan trọng của vùng trung du và miền núi phía Bắc; có hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại; nền kinh tế có năng lực cạnh tranh cao trong khu vực và cả nước. Hệ thống đô thị phát triển có trọng điểm, hình thành các đô thị lớn gắn với vành đai xanh, đóng vai trò động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và cân đối lãnh thổ. Phát huy hiệu quả lợi thế của vùng núi cao, vùng lòng hồ sông Đà và cao nguyên Mộc Châu trong phát triển nông nghiệp và du lịch. Kinh tế phát triển ổn định, bền vững và bao trùm; sử dụng hiệu quả tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu; môi trường đầu tư năng động; quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

### **3. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển**

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Tận dụng hiệu quả các cam kết kinh tế quốc tế; tăng cường thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư (ODA, FDI và các nguồn vốn hợp pháp khác), gắn với phát huy nội lực của tỉnh.

- Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm, liên vùng, liên tỉnh, gồm các tuyến cao tốc CT03 (Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên), Sơn La - Lào Cai; Cảng hàng không Nà Sản; hệ thống logistics, kho bãi, bến thủy, nhằm nâng cao năng lực kết nối và lưu thông hàng hóa.

- Đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư vào các khu vực động lực như Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, Khu du lịch quốc gia vùng lòng hồ thủy điện Sơn La; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các khu kinh tế chuyên ngành; ưu tiên công nghiệp chế biến sâu, năng lượng tái tạo, đô thị, nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ chất lượng cao.

- Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, liên kết chuỗi giá trị; thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 gắn với Chương trình OCOP; ổn định dân cư, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

- Đầu tư phát triển giáo dục, y tế, văn hóa; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; bảo đảm an sinh xã hội.

- Phát triển hệ thống đô thị theo hướng xanh, thông minh; tập trung phát triển các đô thị động lực, trọng tâm là đô thị Sơn La hướng tới tiêu chí đô thị loại I sau năm 2030; gắn phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

- Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thúc đẩy chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

#### b) Đột phá phát triển

- Đột phá về ngành, lĩnh vực: Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến; du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; phát triển kinh tế đô thị - công nghiệp - dịch vụ tại các khu vực trọng điểm.

- Đột phá về chuỗi giá trị: Hình thành và phát triển các chuỗi giá trị nông, lâm nghiệp, thủy sản; năng lượng tái tạo; khai khoáng gắn với chế biến và liên kết vùng.

- Đột phá về không gian phát triển: Phát triển hai trung tâm đô thị (Sơn La - Mai Sơn; Mộc Châu - Vân Hồ) và bốn hành lang kinh tế động lực: Quốc lộ 6 - cao tốc Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên; Quốc lộ 279D - Quốc lộ 4G; Quốc lộ 43 - Quốc lộ 37; cao tốc Sơn La - Lào Cai.

- Đột phá về nền tảng phát triển: Phát triển nguồn nhân lực, văn hóa; đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số; hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả quản lý nhà nước.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG, PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI**

#### **1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng**

a) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, sinh thái, hiệu quả, dựa trên ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; thúc đẩy nông nghiệp xanh, tuần hoàn, phát thải thấp, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Phân đầu tốc độ tăng trưởng ngành giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 3,5-4,5%/năm; hình thành các trung tâm chế biến nông, lâm sản; nâng tỷ lệ chế biến sâu đạt từ 40% giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản; đến năm 2030 hình thành 01 khu và 25 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; xây dựng Sơn La trở thành trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

- Phát triển trồng trọt, chăn nuôi theo tiêu vùng sinh thái, gắn với công nghiệp chế biến, tiêu thụ và xây dựng thương hiệu sản phẩm; phát triển lâm nghiệp bền vững, tăng cường quản lý, bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng, gắn với cải thiện sinh kế cho người dân.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững, ứng dụng công nghệ cao; khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước các hồ thủy điện; ưu tiên phát triển các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao, đặc sản bản địa, gắn với chế biến, tiêu thụ và bảo vệ môi trường sinh thái.

#### b) Ngành công nghiệp

- Tập trung thu hút đầu tư phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, làng nghề; phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế của từng địa phương, trọng tâm là công nghiệp năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, dược liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản, công nghiệp sử dụng nhiều lao động và tiểu thủ công nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp; giảm tỷ trọng sản phẩm thô, tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu, thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sinh học, công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, phát triển công nghiệp theo hướng xanh, sạch, tuần hoàn và bền vững. Phân đầu tốc độ tăng trưởng ngành giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 14-15%/năm.

- Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và dược liệu: Phát triển các ngành hàng có lợi thế về vùng nguyên liệu như chè, cà phê, mía đường, mắc ca, sắn, rau, quả, sữa, thịt, cá và dược liệu; gắn chế biến với vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn của tỉnh và vùng trung du và miền núi phía Bắc; từng bước hình thành các cụm ngành chuyên môn hóa, đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Khuyến khích phát triển, mở rộng các cơ sở chế biến quy mô phù hợp, làng nghề, sản phẩm OCOP; đầu tư bảo quản, sơ chế, chế biến, chiết xuất dược liệu gắn với các vùng trồng dược liệu tập trung. Phát triển công nghiệp hỗ trợ phục vụ nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất phân bón hữu cơ, thức ăn chăn nuôi theo hướng công nghiệp, hiện đại.

- Công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng: Thực hiện các dự án theo quy hoạch được phê duyệt, bảo đảm hiệu quả, bền vững; ứng dụng công nghệ tiên tiến, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, thân thiện môi trường; sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Công nghiệp năng lượng tái tạo: Triển khai các dự án năng lượng tái tạo phù hợp với Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; phát triển thủy điện nhỏ, điện gió, điện mặt trời có tiềm năng, bảo đảm hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và môi trường; phát triển điện mặt trời trên lòng hồ thủy điện Sơn La, Hòa Bình, các hồ thủy điện nhỏ nhằm tận dụng tối ưu hiệu quả của mặt nước; nghiên cứu tiềm năng thủy điện tích năng trên địa bàn xã Phù Yên; thu hút phát triển điện sinh khối, điện rác góp phần xử lý chất thải rắn của sản xuất và sinh hoạt.

c) Các ngành, lĩnh vực dịch vụ

- Về du lịch: Phát triển du lịch theo hướng bền vững, đa dạng hóa sản phẩm; phấn đấu đến năm 2030 trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp khoảng 12-13% GRDP của tỉnh; đón khoảng 9 triệu lượt khách, trở thành điểm đến an toàn, hấp dẫn của vùng trung du và miền núi phía Bắc và cả nước. Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái, nông nghiệp, văn hóa - lịch sử, cộng đồng, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe và du lịch chuyên đề; ưu tiên phát triển các trọng điểm du lịch: đô thị Sơn La và phụ cận; Khu du lịch quốc gia Mộc Châu; Khu du lịch quốc gia vùng lòng hồ thủy điện Sơn La; phát triển du lịch thông minh, kinh tế ban đêm.

- Về thương mại: Phát triển thương mại theo hướng hiện đại, bền vững; phấn đấu giai đoạn 2026-2030 tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân khoảng 12%/năm; giá trị hàng hóa xuất khẩu năm 2030 đạt khoảng 400 triệu USD. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử; hiện đại hóa hệ thống bán buôn, bán lẻ; phát triển dịch vụ logistics, bảo quản, lưu kho; bảo đảm an toàn thực phẩm, nguồn gốc xuất xứ hàng hóa.

- Vận tải và logistic: Giai đoạn 2026-2030 tiếp tục quy hoạch 02 trung tâm logistics tại các khu vực: phường Tân Yên, Vân Sơn, Thảo Nguyên, Mộc Châu, Mộc Sơn... gần với tuyến quốc lộ 6 và cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu; xã Chiềng Mung, xã Mai Sơn gần với Khu công nghiệp Mai Sơn và Cảng hàng không Nà Sản. Giai đoạn 2031-2050 nghiên cứu quy hoạch thêm 01 trung tâm logistics tại khu vực cửa khẩu quốc tế Chiềng Khương gần với tuyến hành lang cao tốc Chiềng Khương - Sơn La - Lào Cai.

- Dịch vụ tài chính - ngân hàng, bảo hiểm: Phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng gắn với hội nhập thị trường tài chính, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm gắn với thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0; khuyến khích các doanh nghiệp có đủ điều kiện phát hành cổ phiếu tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung và các công ty chứng khoán tăng quy mô, phạm vi hoạt động nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ; nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

d) Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

- Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp: Phát triển tỉnh Sơn La trở thành trung tâm giáo dục - đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, có chất lượng của khu vực Tây Bắc và các tỉnh Bắc Lào. Rà soát, sắp xếp, hoàn thiện hệ thống cơ sở giáo dục theo hướng đồng bộ, liên thông, hiện đại; tăng cường ứng dụng khoa học,



công nghệ và chuyển đổi số, từng bước xây dựng nền giáo dục thông minh. Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên; phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động kỹ thuật, nghề truyền thống. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân: Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, đồng bộ, bền vững; bảo đảm hài hòa giữa y tế dự phòng, y tế cơ sở và khám chữa bệnh, lấy y tế dự phòng và y tế cơ sở làm nền tảng. Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; tăng cường năng lực phòng, chống dịch bệnh; phát triển đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn, y đức. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý y tế, khám chữa bệnh từ xa, hồ sơ sức khỏe điện tử; khuyến khích xã hội hóa y tế gắn với tăng cường quản lý nhà nước. Từng bước phát triển các dịch vụ y tế chuyên sâu, y học cổ truyền, phục hồi chức năng và du lịch chăm sóc sức khỏe. Phấn đấu đạt 34,5 giường bệnh/10.000 dân, trong đó giường bệnh tư nhân đạt 15%; đạt 9,5 bác sĩ, 1,5 dược sĩ đại học, 19 điều dưỡng/10.000 dân; 100% trạm y tế xã, phường có bác sĩ làm việc, 100% trạm y tế đạt chuẩn quốc gia.

- Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền: Tập trung đầu tư các công trình văn hóa, thể thao trọng điểm phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao của Nhân dân và tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao cấp tỉnh, khu vực; bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị di sản, bản sắc văn hóa các dân tộc gắn với phát triển du lịch bền vững, từng bước hình thành và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có tiềm năng. Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh; bảo đảm 100% chính quyền địa phương hai cấp và lực lượng vũ trang có thiết chế văn hóa đáp ứng nhu cầu sáng tạo, thụ hưởng văn hóa của Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ; phấn đấu 90% thiết chế văn hóa ở cơ sở hoạt động thường xuyên, hiệu quả; ưu tiên đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao quy mô lớn gắn với bảo tồn, phát huy giá trị các bản làng truyền thống. Phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông theo hướng hiện đại; nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội; đẩy mạnh chuyển đổi số báo chí, truyền thông, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; phấn đấu 100% cơ quan báo chí đưa nội dung lên các nền tảng số, vận hành mô hình tòa soạn hội tụ.

- Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo: Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên; chú trọng công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ số, công nghệ chế biến nông sản, dược liệu. Phát triển tài sản trí tuệ, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý gắn với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh; từng bước hình thành thị trường khoa học và công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- An sinh xã hội: Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội; chăm lo đời sống người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Triển khai hiệu quả các chương trình, dự án giảm nghèo bền vững; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; thúc đẩy bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội; từng bước nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

- Quốc phòng, an ninh: Xây dựng lực lượng vũ trang tinh vững mạnh toàn diện, có sức mạnh tổng hợp, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu cao; chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động, bất ngờ. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững chắc.

## **2. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội**

### **a) Tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội**

Tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội theo mô hình tổ chức không gian phát triển “bốn vùng kinh tế, hai cực tăng trưởng, bảy hành lang phát triển”, trong đó:

- Giữ nguyên phương án phát triển bốn vùng kinh tế gồm: (1) Vùng đô thị và quốc lộ 6: là vùng động lực chủ đạo của tỉnh với đô thị Sơn La là cực trung tâm của tỉnh; (2) Vùng cao nguyên Mộc Châu và phụ cận: là vùng động lực chủ đạo của tỉnh đối với đô thị Mộc Châu là cực đối trọng phát triển với cực trung tâm đô thị Sơn La; (3) Vùng lòng hồ và lưu vực sông Đà: là vùng động lực chủ đạo thứ cấp, gắn với các đô thị Mường La, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Bắc Yên và khu du lịch lòng hồ sông Đà; (4) Vùng cao biên giới: là vùng động lực chủ đạo thứ cấp, gắn với các đô thị Sông Mã, Sốp Cộp và cửa khẩu Chiềng Khương.

- Giữ nguyên phương án phát triển hai cực tăng trưởng gồm: (1) Vùng đô thị trung tâm tỉnh (đô thị Sơn La - Mai Sơn), trong đó đô thị Sơn La là hạt nhân, cùng với các đô thị đối trọng, đô thị vệ tinh và đô thị cửa ngõ như Mai Sơn, Thuận Châu, Yên Châu, Mường La và Sông Mã; đây là cực tăng trưởng có vị thế chủ đạo, giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh; (2) Trung tâm đô thị phía Đông Nam (đô thị Mộc Châu và Vân Hồ), với hạt nhân là đô thị Mộc Châu gắn với Khu du lịch quốc gia Mộc Châu và các vùng phụ cận; là trung tâm du lịch, dịch vụ của tỉnh, có tiềm năng phát triển thành trung tâm du lịch lớn của vùng trung du và miền núi phía Bắc, với tính chất chủ đạo là nông nghiệp - du lịch, hành chính - dịch vụ - công nghiệp.

- Điều chỉnh bổ sung tuyến hành lang cao tốc Sơn La - Lào Cai theo định hướng quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc, nâng tổng số 7 hành lang kinh tế phát triển, trong đó:

+ Phát triển 04 hành lang động lực chủ đạo, bao gồm: (1) Hành lang quốc lộ 6 và cao tốc Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên, là trục hành lang có vị trí đặc biệt quan trọng, có ảnh hưởng và đóng góp lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; (2) Hành lang quốc lộ 279D và quốc lộ 4G, có tiềm năng lớn trong phát triển du lịch, năng lượng; (3) Hành lang quốc lộ 43 và quốc lộ 37, là hành lang kinh tế kết nối từ Khu kinh tế cửa khẩu Lóng Sập, giao cắt với các trục giao thông huyết

mạch quốc gia (quốc lộ 6 và cao tốc Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên); (4) Hành lang cao tốc Sơn La - Lào Cai, là hành lang kinh tế thuận lợi cho giao thương liên vùng, quốc gia và quốc tế, có lợi thế phát triển thương mại, du lịch, công nghiệp chế biến và dịch vụ logistics.

+ Phát triển 03 hành lang động lực thứ cấp, bao gồm: (i) hành lang sông Đà; (ii) hành lang sông Mã; (iii) hành lang cao tốc Điện Biên - Sơn La và quốc lộ 279.

b) Xác định các khu vực hạn chế phát triển

Gồm 05 khu vực, bao gồm: (1) Khu vực biên giới, với chiều dài khoảng 274,065 km đường biên giới và các xã giáp biên giới; (2) Khu dự trữ thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học; (3) Khu vực vùng lõi, vùng đệm của các khu di tích lịch sử, di sản văn hóa; (4) Hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật; (5) Các khu vực đặc thù khác thuộc phạm vi quản lý về quốc phòng, an ninh hoặc thuộc diện áp dụng quy định đặc biệt, nằm trong danh mục bảo vệ bí mật nhà nước.

c) Xác định khu vực khuyến khích phát triển

Là các khu vực còn lại ngoài 05 khu vực hạn chế phát triển nêu trên; trong đó đặc biệt khuyến khích phát triển 02 vùng, gồm: vùng đô thị và hành lang quốc lộ 6; vùng cao nguyên Mộc Châu và các khu vực phụ cận. Đây là các vùng có vai trò là động lực chủ đạo trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

#### **IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN**

##### **1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị**

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp và sáp nhập các đơn vị hành chính. Hệ thống đô thị của tỉnh đã có sự thay đổi. Căn cứ định hướng, tiêu chí phân loại đô thị, đơn vị hành chính theo quy định tại Nghị quyết 111/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 về phân loại đơn vị hành chính. Định hướng quy hoạch hệ thống đô thị tỉnh Sơn La đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

a) Giai đoạn 2026 - 2030: Toàn tỉnh có 12 đô thị (01 đô thị loại II, 11 đô thị loại III). Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt khoảng 31,5%. Tiếp tục nâng cao chất lượng đô thị và phát triển gắn với 04 vùng kinh tế của tỉnh.

b) Tầm nhìn đến năm 2050: Toàn tỉnh có 19 đô thị (01 đô thị loại I; 02 đô thị loại II; 16 đô thị loại III); tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt khoảng 65%.

*(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)*

##### **2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn**

Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La gắn với công tác xây dựng nông thôn mới, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của tỉnh; phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái của từng vùng, từng địa phương. Quy hoạch xây dựng các điểm dân cư nông thôn theo hướng tập trung, gắn với các vùng sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp chuyên ngành hoặc vùng nông nghiệp ngoài đô thị. Phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng gắn với du lịch; tổ chức các lễ hội, hoạt động du lịch kết hợp quảng bá các sản phẩm nông sản đặc trưng, tiêu biểu của địa phương.

Xây dựng nông thôn theo hướng cải tạo, chỉnh trang các giá trị hiện hữu, đầu tư theo chiều sâu về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, trên cơ sở duy trì sự ổn định của hệ thống khu dân cư hiện có; đồng thời bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa xã, bản. Thực hiện sắp xếp, bố trí lại các điểm dân cư tại khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao, nhất là sạt lở đất, lũ quét; từng bước nâng cao chất lượng môi trường sống nông thôn, bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đối với trung tâm xã, bản, bảo đảm quỹ đất và không gian phù hợp cho sinh hoạt cộng đồng; bố trí đầy đủ hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống dân cư. Đối với các điểm dân cư nông thôn, đầu tư hạ tầng kỹ thuật phù hợp với yêu cầu sản xuất và sinh hoạt; cải tạo, xây dựng nhà ở kiên cố, bền vững, gắn với bảo tồn sắc thái kiến trúc truyền thống. Các khu vực sản xuất được bố trí thuận lợi, gắn kết với các điểm dân cư theo nguyên tắc gần tương ứng, bảo đảm điều kiện đi lại và canh tác. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng phục vụ sản xuất được đầu tư đồng bộ, tạo động lực thúc đẩy phát triển khu vực nông thôn; phát triển nông thôn gắn với bảo vệ các giá trị văn hóa, cảnh quan và môi trường.

## **V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG**

### **1. Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế**

a) Giai đoạn 2026 - 2030: Tiếp tục hình thành và phát triển 02 khu kinh tế cửa khẩu, gồm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lóng Sập và Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Chiềng Khương, theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực; từng bước trở thành trung tâm thương mại - dịch vụ, trung tâm logistics của tỉnh, với hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, cùng các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi phù hợp; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gắn với bảo vệ chủ quyền và bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới.

b) Giai đoạn 2031 - 2050: Định hướng mở rộng phạm vi Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lóng Sập và Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Chiềng Khương, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa, giao thương kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế.

### **2. Phương án phát triển các khu công nghiệp**

a) Giai đoạn 2026-2030:

- Khu công nghiệp Mai Sơn: Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng Khu công nghiệp Mai Sơn với quy mô 150ha.

- Khu công nghiệp Tân Yên (thay thế khu công nghiệp Vân Hồ): Điều chỉnh đưa vị trí khu công nghiệp Vân Hồ ra khỏi ranh giới vùng lõi khu du lịch quốc gia Mộc Châu; chuyển sang vị trí dự kiến tại xã Tân Yên, gắn với trục cao tốc Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên, quy mô diện tích khoảng 200ha.

- Khu công nghiệp Yên Châu: Điều chỉnh khu công nghiệp Yên Châu từ giai đoạn 2031-2050 sang giai đoạn 2026-2030 nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế và nhu cầu thu hút đầu tư tại khu vực.

b) Giai đoạn 2031-2050:

- Phát triển Khu công nghiệp Chiềng Khương trên cơ sở mở rộng CCN Chiềng Khương gắn với khu kinh tế cửa khẩu Chiềng Khương và cao tốc Chiềng Khương - Sơn La - Lào Cai.

- Khu công nghiệp Lóng Sập: Điều chỉnh đưa vị trí khu công nghiệp ra khỏi ranh giới Khu kinh tế cửa khẩu Lóng Sập do điều kiện địa hình không thuận lợi; chuyển sang vị trí dự kiến tại xã Chiềng Hặc, gần trục cao tốc Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên, với quy mô diện tích khoảng 200 - 300 ha; đồng thời đề xuất đổi tên thành Khu công nghiệp Chiềng Hặc.

- Bổ sung 02 khu công nghiệp mới, gồm Khu công nghiệp Tà Hộc và Khu công nghiệp Phù Yên, gắn với tuyến hành lang cao tốc Chiềng Khương - Sơn La - Lào Cai; nâng tổng số khu công nghiệp toàn tỉnh lên 07 khu công nghiệp.

*(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)*

### **3. Phương án phát triển các cụm công nghiệp**

a) Giai đoạn 2026-2030: Giữ nguyên quy mô các cụm công nghiệp đã được phê duyệt theo Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời quy hoạch, bổ sung 04 cụm công nghiệp mới, gồm: Cụm công nghiệp Chiềng An (50 ha), Cụm công nghiệp Tạ Khoa (53,29 ha), Cụm công nghiệp Tô Múa (60 ha), Cụm công nghiệp Chiềng Khương (70ha).

b) Giai đoạn 2031-2050: Nghiên cứu mở rộng, chuyển đổi CCN Chiềng Khương thành KCN Chiềng Khương quy mô khoảng 150ha; Quy hoạch, bổ sung 02 cụm công nghiệp mới, gồm Cụm công nghiệp Mộc Châu 3 (khoảng 70 ha) và Cụm công nghiệp Sa Mây (khoảng 70 ha); nâng tổng số cụm công nghiệp toàn tỉnh lên 26 cụm công nghiệp.

*(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)*

### **4. Phương án phát triển các vùng, khu sản xuất nông nghiệp tập trung**

Hình thành các khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung tại những địa bàn có điều kiện thuận lợi về tự nhiên và hạ tầng; phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh, bao gồm: vùng trồng sắn, mía, rau các loại, cà phê, chè; vùng trồng cây ăn quả (nhãn, xoài, cây có múi, dứa...); vùng nuôi bò sữa; vùng chăn nuôi gia súc (trâu, bò thịt, lợn thịt); vùng chăn nuôi gia cầm (gà, thủy cầm). Tiếp tục xây dựng và hình thành 01 khu và 25 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

*(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)*

### **5. Phương án phát triển không gian du lịch**

Đến năm 2030, Sơn La trở thành một trong những điểm đến du lịch đặc sắc, có thương hiệu, không chỉ đối với thị trường trong nước mà còn trong khu vực và quốc tế. Phát triển ngành du lịch theo hướng chuyên nghiệp, chú trọng các dòng sản phẩm du lịch đặc thù, nổi trội của địa phương, kết hợp với các sản phẩm du lịch bổ trợ; phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tập trung phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu và Khu du lịch quốc gia vùng lòng hồ thủy điện Sơn La theo quy hoạch được duyệt, với các sản phẩm du lịch đặc sắc, có khả năng thu hút khách trong nước và quốc tế; đồng thời phát

triển bổ sung 02 không gian du lịch cấp tỉnh, gồm Khu du lịch Quỳnh Nhai và Khu du lịch Mường Chanh (trên địa bàn 03 xã gồm: Mường Chanh, Muối Nội, Phiêng Cầm).

*(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)*

## **6. Phương án phát triển các khu bảo tồn; khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh**

Đối với các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hiện hữu, thực hiện trùng tu, tôn tạo, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan trong khuôn viên di tích; bố trí khoảng đệm an toàn nhằm bảo vệ di tích theo quy định. Đối với các di tích là phế tích, nghiên cứu phục hồi một phần di tích theo nguyên mẫu; di dời các vật cản, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ cảnh quan và tạo khoảng đệm an toàn theo quy định.

Triển khai công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích đã được xếp hạng; ưu tiên di tích cấp quốc gia và di tích trọng điểm của tỉnh; hoàn thiện hồ sơ khảo sát, xếp hạng các di tích trong danh mục kiểm kê; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa di sản; hoàn thành số hóa 100% các di sản văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt.

## **7. Khu quân sự, an ninh**

Việc bố trí, xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành việc xây dựng trụ sở làm việc, sinh hoạt cho Công an xã trên địa bàn tỉnh theo quy định.

## **8. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn**

Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng địa phương; tổ chức sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống; khuyến khích đầu tư xây dựng các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phù hợp. Phát triển du lịch cộng đồng gắn với nông nghiệp, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc.

Tập trung triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí và thu nhập của người dân; từng bước thu hẹp khoảng cách về mức sống giữa các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn với các khu vực phát triển của tỉnh.

# **VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

## **1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông**

### **a) Mạng đường bộ**

- Cao tốc: Giai đoạn 2026-2030, tập trung đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên và các nút giao đầu nối với tuyến cao tốc; bổ sung tuyến cao tốc Sơn La - Lào Cai theo định hướng Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc. Giai đoạn 2031- 2050, đề xuất xây dựng đoạn nối

dài tuyến cao tốc Sơn La - Lào Cai từ nút giao với CT03 đến cửa khẩu Chiềng Khương và nghiên cứu bổ sung tuyến cao tốc Lai Châu - Sơn La nhằm tăng tính liên kết vùng.

- Quốc lộ: Trên địa bàn tỉnh có 13 tuyến quốc lộ với tổng chiều dài khoảng 1.172,9 km. Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến quốc lộ hiện có; đồng thời đầu tư xây dựng một số tuyến quốc lộ mới theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đường tỉnh: Điều chỉnh, bổ sung từ 38 tuyến lên 41 tuyến; đầu tư nâng cấp hệ thống đường tỉnh, phần đầu tối thiểu 15% đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, các tuyến còn lại đạt đường cấp V. Điều chỉnh kéo dài tuyến ĐT.101C đến tuyến ĐT.104; bổ sung các tuyến ĐT.101A (Vân Hồ - Song Khủa), ĐT.108A (Cổ Mạ - Long Hẹ), ĐT.112A (Pắc Ngà - Xím Vàng).

- Cầu đường bộ: Xây dựng các cầu trọng điểm vượt sông nhằm tăng cường kết nối, nâng cao năng lực lưu thông trên địa bàn tỉnh (cầu Vạn Yên qua sông Đà, cầu Phiêng Pe qua sông Mã...).

- Đường đô thị: Đầu tư xây dựng hệ thống đường gom, đường trục chính đô thị, đường vành đai theo quy hoạch được duyệt.

b) Mạng đường thủy nội địa:

Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tuân thủ Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; theo đó, trên địa bàn tỉnh có 01 tuyến đường thủy nội địa quốc gia sông Đà đạt tiêu chuẩn cấp III.

Hệ thống cảng, bến thủy nội địa được thực hiện theo quy hoạch được duyệt; giai đoạn đến năm 2030 tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp các cảng, bến thủy nội địa chính hiện có (cảng Bản Két, Tà Hộc, Vạn Yên, Pá Uôn) và xây dựng các bến thủy nội địa mới.

c) Công trình hạ tầng giao thông khác:

Bến xe, hệ thống giao thông tĩnh: Thực hiện theo quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn được phê duyệt.

d) Đường hàng không

- Cảng hàng không Nà Sản: Thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; theo đó, Cảng hàng không Nà Sản là cảng hàng không nội địa cấp 4C (theo tiêu chuẩn ICAO) và sân bay quân sự cấp I.

- Sân bay chuyên dùng Mộc Châu: Nghiên cứu đầu tư xây dựng sân bay Mộc Châu theo hướng sân bay chuyên dùng khi đủ điều kiện; vị trí dự kiến tại xã Tân Yên.

*(Chi tiết tại phụ lục VI kèm theo)*

## **2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện**

a) Phương án phát triển nguồn điện

Tiếp tục triển khai các dự án nguồn điện đã được quy hoạch trong các thời kỳ trước và các dự án thuộc Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021

- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về điện lực, đầu tư, môi trường và các quy định liên quan.

Nghiên cứu, khai thác các nguồn điện tiềm năng như thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác, thủy điện tích năng, phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh; tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, cho phép triển khai khi đủ điều kiện.

b) Phương án phát triển lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối

Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây 500 kV, 220 kV, 110 kV phù hợp với nhu cầu truyền tải; phát triển hệ thống đường dây trung thế, hạ thế kết nối các nguồn điện mới, đáp ứng nhu cầu phụ tải, nhất là tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị mới; từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế phù hợp với từng khu vực.

*(Chi tiết tại phụ lục VII, VIII kèm theo)*

### **3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông**

Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông đồng bộ, hiện đại, dùng chung, gắn với hạ tầng kinh tế - xã hội và không gian số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng; phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

a) Bưu chính: Phân đầu đến năm 2030 có 100% hộ gia đình có địa chỉ số; phát triển mạng vận chuyển bưu chính công cộng; đẩy mạnh bưu chính số, logistics phục vụ thương mại điện tử; mở rộng mạng lưới điểm phục vụ bưu chính, bưu điện văn hóa xã; tham gia cung cấp dịch vụ hành chính công qua bưu chính công ích.

b) Viễn thông thụ động: Phổ cập Internet băng rộng cáp quang, mạng di động 5G; tăng tỷ lệ dùng chung hạ tầng cột ăng ten; phát triển cột ăng ten được định hướng theo hướng ưu tiên các dạng cột gọn, hạn chế tác động tới cảnh quan, đặc biệt tại khu vực đô thị và du lịch; phát triển nhà trạm và điểm đặt thiết bị được gắn chặt với định hướng mở rộng các tuyến truyền dẫn quang đến các khu vực động lực như khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị mới, khu du lịch, dịch vụ; 100% ngầm hóa cáp viễn thông tại các khu, tuyến đô thị mới; phát triển hạ tầng truyền dẫn dung lượng lớn, đồng bộ với quy hoạch hạ tầng đô thị.

c) Hạ tầng công nghệ số: Phát triển hạ tầng số làm nền tảng cho xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, hạ tầng số phải được ưu tiên đầu tư, hiện đại hóa và đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm quốc phòng an ninh; phát triển hạ tầng dữ liệu, điện toán đám mây; xây dựng Trung tâm dữ liệu, nền tảng phân tích dữ liệu và AI; hoàn thiện mạng truyền số liệu chuyên dùng; xây dựng Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC), Trung tâm giám sát an ninh mạng (SOC); hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp số.

d) Dữ liệu số: Hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở của tỉnh; xây dựng nền tảng quy hoạch không gian (SPP); thúc đẩy quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu và ứng dụng AI.

*(Chi tiết có phụ lục IX kèm theo)*



#### **4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước**

a) Thủy lợi: Phát triển hệ thống thủy lợi theo hướng hiện đại, chủ động trong cấp, thoát nước, bảo đảm an ninh nguồn nước, phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh; ưu tiên bố trí, huy động các nguồn vốn đầu tư để cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các công trình thủy lợi thiết yếu theo 04 vùng kinh tế của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Cấp nước: Ưu tiên khai thác, sử dụng nguồn nước mặt từ các sông, suối, hồ chứa hiện có; từng bước hạn chế khai thác nước dưới đất. Tập trung bố trí, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư để cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước đô thị và nông thôn tập trung, phù hợp với quy mô dân cư và định hướng phát triển không gian. Đầu tư các nhà máy nước, trạm bơm, công trình trữ nước; tăng cường liên kết vùng thông qua hệ thống tuyến ống truyền tải, phân phối nhằm nâng cao năng lực cấp nước và tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn. Đồng thời, nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành hệ thống; bảo đảm nguồn nước phục vụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

*(Chi tiết có phụ lục X kèm theo)*

#### **5. Phương án phát triển mạng lưới thoát nước, xử lý nước thải**

Phát triển hệ thống thoát nước mưa và nước thải phù hợp đặc thù của đô thị, tận dụng sông, suối hiện hữu kết hợp cống, mương, hồ điều hòa để chống ngập và cải thiện cảnh quan. Từng bước tách, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường; ưu tiên đầu tư các hệ thống xử lý tập trung quy mô lớn tại đô thị, khu/cụm công nghiệp, kết hợp các mô hình xử lý phân tán phù hợp điều kiện từng khu vực, nhất là các khu dân cư xả trực tiếp ra các tuyến sông, suối quan trọng.

#### **6. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang**

a) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn

Xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng xử lý chất thải rắn bảo đảm xử lý toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom, hướng đến việc xử lý chất thải rắn tập trung cấp tỉnh và xã, phường. Chuyển đổi công nghệ xử lý chất thải rắn bằng phương pháp xử lý sinh học có thu hồi sinh khối hoặc đốt và hướng tới sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại đảm bảo các tiêu chí về môi trường, giảm thể tích chôn lấp; xử lý triệt để các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh gây ô nhiễm.

*(Chi tiết tại phụ lục XI kèm theo)*

b) Phương án phát triển các khu nghĩa trang

Cải tạo, nâng cấp các nghĩa trang nhân dân, nghĩa trang hiện hữu có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan, môi trường phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và định hướng phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; xây dựng mới nghĩa trang theo hướng công viên nghĩa trang văn minh, hiện đại, đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh, tín ngưỡng của Nhân dân; khuyến khích người dân sử dụng hỏa táng.

#### **7. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy**

Quy hoạch địa điểm xây dựng các công trình hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại trung tâm các phường, xã, khu đô thị, khu công nghiệp,

cụm công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, các khu vực có nguy cơ cháy, nổ cao và khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển đô thị, khu dân cư và các quy định hiện hành. Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, công trình phục vụ ứng phó khẩn cấp, huấn luyện, chỉ huy, điều hành và kiểm định phương tiện; từng bước nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy mô hoạt động của từng đơn vị.

## **VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI**

### **1. Phương án phát triển hạ tầng thương mại**

Phát triển hệ thống hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại, gắn kết chặt chẽ với quá trình đô thị hóa, phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp và không gian du lịch; bảo đảm đáp ứng nhu cầu sản xuất, lưu thông, phân phối và tiêu dùng của từng khu vực, từng giai đoạn phát triển, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người dân. Tăng cường thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng mới các trung tâm thương mại, cơ sở dịch vụ, triển lãm, hội chợ; đồng thời tiếp tục cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang các cơ sở thương mại hiện có, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng không gian đô thị, du lịch của tỉnh.

*(Chi tiết tại phụ lục XII kèm theo)*

### **2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế**

Giai đoạn 2026-2030, toàn tỉnh có 35 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh các cấp, trong đó tiếp tục đầu tư, nâng cấp, mở rộng quy mô 04 trung tâm tuyến tỉnh, 09 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến tỉnh, 10 bệnh viện đa khoa khu vực; bảo đảm đáp ứng chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, an toàn thực phẩm và công tác dân số. Cải tạo, nâng cấp các trạm y tế xã, phường hiện hữu; bảo đảm 100% đơn vị hành chính cấp xã có ít nhất 01 trạm y tế. Hình thành và phát triển ít nhất 04 bệnh viện ngoài công lập; nâng cấp Trạm xá Công an tỉnh lên bệnh viện hạng IV, quy mô khoảng 100 giường bệnh. Đầu tư bệnh viện đa khoa quốc tế Mộc Châu quy mô khoảng 500 giường.

Giai đoạn 2031-2050: Nâng cấp Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Châu, Sông Mã, Phù Yên từ hạng II lên bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh hạng I. Bổ sung 03 viện dưỡng lão quy mô khoảng 300 giường tại khu vực phường Chiềng Sinh, phường Mộc Châu và xã Vân Hồ.

*(Chi tiết tại phụ lục XIII kèm theo)*

### **3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo**

Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân; khuyến khích, hỗ trợ thành lập các cơ sở giáo dục ngoài công lập, ưu tiên tại các khu vực tập trung đông dân cư như đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế và các khu vực đặc thù. Trên địa bàn tỉnh có 57 trường giáo dục phổ thông, gồm: 12 trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông; 42 trường trung học phổ thông, liên cấp trung học cơ sở - trung

học phổ thông, liên cấp trung học - trung học cơ sở - trung học phổ thông; 03 trường ngoài công lập.

Hoàn thành xây dựng 02 Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập; duy trì 12 Trung tâm giáo dục thường xuyên và 04 cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Xúc tiến xây dựng hệ thống trung tâm học tập cộng đồng; phấn đấu đến năm 2030, 100% xã, phường có trung tâm học tập cộng đồng. Đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng quy mô và lĩnh vực đào tạo của Trường Đại học Tây Bắc.

*(Chi tiết tại phụ lục XIV kèm theo)*

#### **4. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao**

- Cấp tỉnh: Tiếp tục đầu tư phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao theo Quy hoạch tỉnh Sơn La đã được phê duyệt; đồng thời nghiên cứu, bổ sung các công trình có quy mô phù hợp để tổ chức sự kiện văn hóa, thể thao cấp tỉnh và quốc gia, tạo điểm nhấn quảng bá du lịch tại các khu du lịch trọng điểm như Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, Khu du lịch quốc gia vùng lòng hồ thủy điện Sơn La, Tà Xùa, Ngọc Chiến, Quỳnh Nhai, Pha Đin, Mường Chanh.

- Cấp xã: Rà soát, nâng cấp hệ thống nhà văn hóa - thể thao cấp xã, thôn, bản đạt chuẩn; phấn đấu đến năm 2030, các xã, phường được đầu tư Trung tâm văn hóa - thể thao, Nhà thiếu nhi hoặc Cung thiếu nhi, thư viện - bưu điện văn hóa xã, sân vận động và sân thể thao cơ bản.

- Cấp bản: Phấn đấu đến năm 2030 có đủ 03 loại hình thiết chế văn hóa gồm: nhà văn hóa bản; sân thể thao bản; trạm bưu điện - thư viện - văn hóa bản.

- Khu chế xuất, khu công nghiệp: Định hướng đến năm 2030, xây dựng nhà văn hóa - thể thao tại Khu công nghiệp Mai Sơn và các khu công nghiệp theo quy hoạch như Tân Yên, Yên Châu, Chiềng Hặc, Chiềng Khương,...

*(Chi tiết tại phụ lục XV kèm theo)*

#### **5. Phương án phát triển mạng lưới khoa học công nghệ**

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phấn đấu xây dựng tỉnh Sơn La trở thành một trong những trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tiểu vùng phía Tây thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc. Tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại; phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, đủ năng lực tiếp nhận, làm chủ, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến, ưu tiên các lĩnh vực có tính đột phá, lợi thế của tỉnh.

Xây dựng mạng lưới chuyển giao công nghệ từ viện - trường - doanh nghiệp vào sản xuất, nhất là trong nông nghiệp và chế biến nông sản. Củng cố và nâng cao năng lực các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh; định hướng hoạt động nghiên cứu gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương. Phát triển mạng lưới cố vấn, chuyên gia, nhà khoa học hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với sản phẩm đặc trưng của tỉnh. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đồng bộ, lấy doanh nghiệp, tài sản trí tuệ và công nghệ làm nền tảng; tăng cường liên kết với các trung tâm đổi mới sáng tạo lớn trong khu vực.

*(Chi tiết tại phụ lục XVI kèm theo)*

## **6. Phương án phát triển cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, cơ sở bảo trợ xã hội**

Nâng quy mô tiếp nhận điều dưỡng người có công với cách mạng lên 150 người/lượt điều dưỡng; phát triển hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng bảo đảm đủ quy mô, năng lực, đáp ứng yêu cầu chăm sóc người có công; nâng cao chất lượng dịch vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng, bảo đảm chăm lo toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

Đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh có ít nhất 03 cơ sở trợ giúp xã hội, thực hiện tiếp nhận, quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hướng nghiệp và phục hồi chức năng cho các đối tượng bảo trợ xã hội; củng cố, nâng cấp các cơ sở bảo trợ xã hội hiện có; khuyến khích phát triển các hình thức chăm sóc thay thế tại cộng đồng và các mô hình cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, đối tượng yếu thế, nhằm giảm tải cho hệ thống cơ sở xã hội công lập.

Duy trì 01 cơ sở điều trị cai nghiện ma túy cấp tỉnh và 02 cơ sở vệ tinh tại khu vực Sông Mã và Thuận Châu; thành lập thêm 01 cơ sở cai nghiện ma túy vệ tinh tại khu vực Mộc Châu - Vân Hồ - Yên Châu, đáp ứng yêu cầu điều trị, cai nghiện và quản lý người nghiện ma túy.

Tiếp tục duy trì hoạt động Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Sơn La, gồm 01 trụ sở chính tại phường Chiềng Sinh và 02 văn phòng đại diện tại khu vực Mộc Châu và Phù Yên; huy động các nguồn lực đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực phục vụ phát triển thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm và thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

## **VIII. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT**

Trên cơ sở các đặc trưng về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, thực trạng và xu hướng biến động sử dụng đất, việc đánh giá các nguồn lực, lợi thế cũng như các dự báo về chiến lược phát triển toàn diện của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Vấn đề khai thác, sử dụng và quản lý đất đai cần dựa trên hệ thống các quan điểm sau:

**1.** Việc xác định chỉ tiêu sử dụng đất phải phù hợp với nhu cầu sử dụng đất, tránh lãng phí; sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển đột phá của các ngành lĩnh vực trên địa bàn tỉnh để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh, gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

**2.** Ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; trong đó chú trọng nhu cầu phát triển tại các vùng động lực của tỉnh, cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế. Bảo đảm quỹ đất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thể dục, thể thao, nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân khu công nghiệp; quỹ đất cho mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển du lịch, dịch vụ của tỉnh.

**3.** Quản lý diện tích đất trồng lúa đáp ứng đủ nhu cầu an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh. Căn cứ Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa, trong phạm vi diện tích phù hợp, cho phép linh hoạt chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa nhưng không

làm thay đổi tính chất, điều kiện sử dụng đất trồng lúa để có thể chuyển đổi trở lại trồng lúa khi cần thiết. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi đất trồng lúa, nhất là đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp, trên cơ sở đánh giá năng suất, hiệu quả của các khu vực đất trồng lúa; đi đôi với việc bảo đảm lợi ích của người trồng lúa và địa phương trồng lúa.

4. Quản lý chặt chẽ đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, bảo vệ diện tích và phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Phát triển và nâng cao chất lượng rừng trồng, nhất là rừng trồng gỗ lớn.

5. Tiếp tục khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả quỹ đất, đầu tư khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích nông lâm nghiệp phát triển bền vững. Cần có những công trình nghiên cứu sâu về tài nguyên đất, đánh giá tiềm năng đất đai thích hợp đất đai để bố trí sử dụng hợp lý, khoa học, nhằm mang lại hiệu quả cao trong sản xuất nông lâm nghiệp và cải thiện môi trường.

6. Việc thực hiện các định hướng phát triển cho các lĩnh vực phải bảo đảm sử dụng đất có hiệu quả và tiết kiệm, gắn với các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

*(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)*

## **IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

### **1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh**

#### **a) Phương án phân vùng môi trường**

Phân vùng môi trường tỉnh Sơn La theo 04 vùng sau: (1) vùng đô thị và quốc lộ 6; (2) vùng cao nguyên Mộc Châu và phụ cận; (3) vùng lòng hồ và lưu vực Sông Đà; (4) vùng cao biên giới.

Trong mỗi vùng, thực hiện phân vùng chi tiết theo định hướng của Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, bao gồm 03 loại vùng, cụ thể:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, gồm: khu dân cư tập trung tại các đô thị (đô thị loại II, loại III); các nguồn nước mặt sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; các khu bảo tồn thiên nhiên về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; vùng lõi của các di sản thiên nhiên.

- Vùng hạn chế phát thải, gồm: vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; các vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ các nguồn nước mặt sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; các khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường, dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường và cần được bảo vệ.

- Vùng khác, gồm các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh.

#### **b) Phương án bảo tồn đa dạng sinh học, sinh cảnh quan trọng, khu bảo tồn thiên nhiên**

- Các khu bảo tồn: (1) Giai đoạn 2026-2030, duy trì, bảo vệ và phát triển bền vững các khu bảo tồn đang có gồm: 05 khu dự trữ thiên nhiên (Mường La, Tà

Xùa, Xuân Nha, Cópia, Sốp Cộp) và 02 khu bảo vệ cảnh quan (rừng Đại tướng Võ Nguyên Giáp và rừng lịch sử Đền thờ vua Lê Thái Tông) và thành lập Khu dự trữ sinh quyển thế giới tại tỉnh Sơn La; (2) Giai đoạn 2031-2050, đề xuất phát triển Khu dự trữ thiên nhiên Mường La và Khu dự trữ thiên nhiên Tà Xùa nâng hạng thành vườn quốc gia, và tiếp tục duy trì, bảo vệ, phát triển 3 Khu dự trữ thiên nhiên (Xuân Nha, Cópia, Sốp Cộp).

- Phương án bảo tồn: Bảo vệ an toàn hệ sinh thái và các loài động, thực vật hiện có; duy trì cân bằng sinh thái, tăng độ che phủ và chất lượng rừng, bảo vệ nguồn nước; phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn thiên nhiên; xây dựng và hoàn thiện hành lang đa dạng sinh học kết nối các khu dự trữ thiên nhiên Tà Xùa - Mường La và Mường La - Mù Cang Chải.

*(Chi tiết tại phụ lục XVIII kèm theo)*

c) Phương án về điểm, tần suất quan trắc môi trường

Phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và mạng lưới quan trắc môi trường đối với các thành phần môi trường đất, nước, không khí, trầm tích và đa dạng sinh học; bảo đảm theo dõi, đánh giá đầy đủ hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường. Tăng cường thu thập, cung cấp kịp thời thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về môi trường; từng bước nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo chất lượng môi trường, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

Thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, trọng tâm là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái và phát triển du lịch sinh thái. Phát triển rừng sản xuất theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế của rừng.

Sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững; phân đấu toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao, cho thuê đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư gắn với mục tiêu cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập và làm giàu từ rừng. Tập trung đầu tư đồng bộ, hiện đại hóa cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật lâm nghiệp, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

## **2. Phương án quản lý địa chất và khoáng sản**

- Đối với các mỏ khoáng sản đã được cấp phép thăm dò, khai thác: Tiếp tục hoạt động theo giấy phép đã được cấp; xem xét gia hạn giấy phép đối với các mỏ còn trữ lượng và đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật; thực hiện đóng cửa mỏ khi hết trữ lượng và hết thời hạn giấy phép. Đối với các mỏ có nguy cơ mất an toàn trong khai thác, gây ô nhiễm môi trường, xảy ra sự cố môi trường; các mỏ manh mún, nhỏ lẻ, đã hết trữ lượng thì tạm dừng hoạt động, tổ chức rà soát, điều chỉnh thiết kế khai thác và thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định; xem xét điều chỉnh đưa ra khỏi quy hoạch đối với các mỏ không còn phù hợp để khai thác.

- Đối với khoáng sản nhóm I thuộc Quy hoạch khoáng sản quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023: Thực hiện thăm dò, khai thác theo đúng quy hoạch sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

- Đối với khoáng sản nhóm II thuộc Quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng quốc gia được phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 và Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023: Thực hiện đấu giá quyền khai thác, thăm dò và khai thác phù hợp với nhu cầu của thị trường; định hướng thăm dò, khai thác các loại đá ốp lát, đá cảnh, đá mỹ nghệ phục vụ nhu cầu xây dựng.

- Đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (khoáng sản nhóm III, nhóm IV): Bổ sung quy hoạch các khu vực có quy mô lớn để tổ chức thăm dò, khai thác phục vụ nhu cầu thị trường và các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh; tiến độ khai thác phù hợp với nhu cầu của từng địa phương, từng khu vực, đồng thời bảo đảm gắn với yêu cầu bảo vệ môi trường, an sinh xã hội và phát triển kết cấu hạ tầng.

- Đối với khoáng sản nước khoáng, nước nóng thiên nhiên (khoáng sản nhóm III) đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường điều tra, đánh giá, công bố: Bổ sung vào quy hoạch để tổ chức đấu giá, thăm dò, khai thác, phục vụ các hoạt động phục trợ phát triển du lịch và dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Đối với khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định: Thực hiện công bố, đưa vào quy hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường theo quy định.

- Về thu hút đầu tư: Tăng cường thu hút đầu tư đối với các mỏ khoáng sản đã được quy hoạch nhưng chưa có nhà đầu tư quan tâm; lựa chọn các nhà đầu tư có đủ năng lực, kinh nghiệm để đầu tư chế biến khoáng sản và chế biến sâu khoáng sản đối với các loại khoáng sản như đồng, niken, vàng... theo quy định của pháp luật.

- Về quản lý, bảo vệ khoáng sản: Tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ chặt chẽ, ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép tại các khu vực mỏ, quặng chưa được điều tra, đánh giá hoặc chưa được cấp phép khai thác; thực hiện phân cấp quản lý đối với khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật.

*(Chi tiết tại phụ lục XIX kèm theo)*

### **3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra**

Quản lý, bảo vệ để khai thác hiệu quả, ổn định, lâu dài nguồn nước mặt, nước dưới đất đáp ứng phân bổ đủ lượng nước cho các vùng, đảm bảo hài hòa, hợp lý giữa các ngành, tổ chức, cá nhân; ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, các hoạt động sản xuất có giá trị cao.

Đẩy mạnh công tác điều tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học - kỹ thuật và chuyển giao công nghệ về bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước, ưu tiên những vùng đang và có nguy cơ thiếu nước, những khu vực có nhu cầu khai thác nước tăng mạnh trong kỳ quy hoạch; xây dựng các dự án xử lý nước thải, hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh, vùng cấm, hạn chế khai

thác, các chương trình giám sát, quan trắc tài nguyên nước đáp ứng các mục tiêu chất lượng nước; quản lý việc xây dựng các công trình khai thác, sử dụng nước để đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu vào mùa cạn trên sông, đảm bảo khả năng tiếp nhận nước thải đối với nguồn nước và giới hạn mực nước cho phép khai thác nước dưới đất trên từng tiểu vùng quy hoạch; xây dựng, vận hành hiệu quả các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo an ninh lâu dài về tài nguyên nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

#### **4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

Quản lý, bảo vệ và khai thác hiệu quả, ổn định, lâu dài nguồn nước mặt và nước dưới đất, bảo đảm phân bổ hợp lý, hài hòa giữa các ngành, lĩnh vực, tổ chức và cá nhân; ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt và các hoạt động sản xuất có giá trị kinh tế cao, góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh công tác điều tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học - kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong bảo vệ, khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước; ưu tiên các khu vực đang và có nguy cơ thiếu nước, các địa bàn có nhu cầu khai thác, sử dụng nước tăng cao trong kỳ quy hoạch. Tổ chức xây dựng và triển khai các dự án xử lý nước thải; xác lập hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh, vùng cấm và vùng hạn chế khai thác; thực hiện các chương trình giám sát, quan trắc tài nguyên nước đáp ứng mục tiêu bảo đảm chất lượng nguồn nước.

Quản lý chặt chẽ việc xây dựng, vận hành các công trình khai thác, sử dụng nước, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trong mùa cạn, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước và giới hạn mực nước cho phép khai thác nước dưới đất theo từng tiểu vùng quy hoạch. Đầu tư xây dựng, vận hành hiệu quả các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng và phát triển tài nguyên nước; đồng thời chủ động phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

*(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)*

## **X. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

### **1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư**

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các ngành, lĩnh vực then chốt, các dự án có tính đột phá và lan tỏa cao, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; đa dạng hóa các hình thức đầu tư, khuyến khích đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP). Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài, thu hút các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh..

### **2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ hiện



đại; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; chú trọng đào tạo, thu hút lao động có trình độ, kỹ năng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh.

Đẩy mạnh công tác dự báo nhu cầu nhân lực, nhu cầu lao động của doanh nghiệp trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, làm cơ sở định hướng quy mô, cơ cấu và ngành nghề đào tạo của các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp sử dụng lao động; triển khai đào tạo theo hình thức đặt hàng; nghiên cứu, ban hành các chính sách hỗ trợ đối với người học nghề nhằm thu hút người học, điều chỉnh hợp lý cơ cấu đào tạo.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, phát triển sàn giao dịch việc làm, tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin cung - cầu lao động, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực.

### **3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ**

#### **a) Tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường**

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa nền kinh tế, thúc đẩy áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng trên nền tảng khoa học và công nghệ. Phát triển các cụm ngành kinh tế gắn với tăng trưởng xanh; khuyến khích phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ bền vững. Hạn chế phát triển các ngành, lĩnh vực phát sinh nhiều chất thải, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; từng bước hình thành và phát triển các ngành sản xuất xanh, thân thiện với môi trường.

Thực hiện đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững, bảo đảm các mục tiêu tăng trưởng xanh; từng bước hình thành văn hóa sản xuất, tiêu dùng bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tăng cường năng lực của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; đa dạng hóa và huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường; rà soát, hoàn thiện và nâng cao hiệu lực, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về môi trường. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; ưu tiên triển khai các dự án trọng điểm về bảo vệ môi trường.

#### **b) Về giải pháp phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo**

Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống; thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; từng bước hình thành các khu công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và vùng. Nâng cao tỷ lệ thương mại hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ; tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị và chính quyền các cấp trong triển khai chuyển đổi số; kiện toàn tổ chức bộ máy, đơn vị chuyên trách đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành, giám sát các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tập trung của tỉnh. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân tiếp cận, sử

dụng các dịch vụ, nội dung số; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư, phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng và hạ tầng số.

c) Giải pháp về năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: Tăng cường vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức của cộng đồng về sử dụng năng lượng bền vững. Khuyến khích áp dụng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, chiếu sáng công cộng, các công trình xây dựng, hoạt động kinh doanh, dịch vụ, quảng cáo và sinh hoạt của người dân, góp phần giảm phát thải, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

#### **4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển**

Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực, các vùng khó khăn của tỉnh; thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình hợp tác trong nước và quốc tế; chủ động thúc đẩy liên kết vùng, nhất là với các địa phương trong vùng trung du và miền núi phía Bắc. Tăng cường phối hợp xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông liên vùng kết nối các đô thị; hợp tác phát triển thương mại, du lịch, xuất khẩu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ; hình thành và phát triển các chuỗi giá trị, phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

#### **5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn**

Nghiên cứu, vận dụng các mô hình và thực tiễn quản lý phát triển đô thị và nông thôn tiên tiến nhằm nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp; tăng cường ứng dụng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ hiện đại trong quản lý phát triển đô thị và nông thôn, bảo đảm phát triển theo hướng văn minh, hiện đại và thân thiện với môi trường.

Quản lý, kiểm soát chặt chẽ quỹ đất rừng, tài nguyên rừng và tỷ lệ che phủ rừng; thực hiện cân đối, chuyển đổi hợp lý một phần quỹ đất nông nghiệp trong đô thị sang đất xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị theo quy hoạch và nhu cầu tăng trưởng kinh tế. Tăng cường kiểm soát gia tăng dân số cơ học, gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai và hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung, thống nhất, có tính tích hợp.

Tiếp tục thực hiện lộ trình di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp ra khỏi khu vực trung tâm đô thị theo quy hoạch được phê duyệt; không xem xét cấp phép xây dựng công trình nhà ở cao tầng tại khu vực trung tâm đô thị khi chưa bảo đảm hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo quy hoạch.

#### **6. Giải pháp về đảm bảo quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi phát triển**

Quản lý, kiểm soát chặt chẽ quỹ đất phục vụ quốc phòng, an ninh, nhất là tại khu vực biên giới và các địa bàn có vị trí trọng yếu; quản lý hiệu quả quỹ đất rừng,

tài nguyên rừng và tỷ lệ che phủ rừng, đặc biệt tại các lưu vực sông Đà, sông Mã, góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh môi trường và phát triển bền vững.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhất là tại khu vực biên giới; tăng cường hợp tác hữu nghị với các địa phương thuộc Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trên các lĩnh vực kinh tế, đối ngoại, quốc phòng, an ninh, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và đoàn thể trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên các lĩnh vực dân tộc, tôn giáo; bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh thông tin - truyền thông và bảo vệ bí mật nhà nước.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, từng bước xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tạo môi trường ổn định, an toàn, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **7. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch**

Tổ chức công bố, công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức phù hợp, bảo đảm minh bạch thông tin, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tăng cường giới thiệu, quảng bá tiềm năng, lợi thế của tỉnh tới các nhà đầu tư trong và ngoài nước; công bố danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, tập trung kêu gọi đầu tư vào các dự án trọng điểm, có tác động lan tỏa đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quy hoạch, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

Xây dựng và triển khai kế hoạch hành động thực hiện quy hoạch; thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch vào các kế hoạch phát triển 5 năm và hằng năm. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch; thực hiện đánh giá, giám sát định kỳ việc tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật.

## **XI. HỆ THỐNG, DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH**

Chi tiết danh mục sơ đồ, bản đồ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

*(Chi tiết tại Phụ lục XXI kèm theo)*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở, căn cứ để lập hoặc điều chỉnh các quy hoạch chi tiết ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan:

a) Tham mưu tổ chức công bố, công khai điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Tham mưu tổ chức thực hiện Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này; định kỳ đánh giá việc tổ chức thực hiện quy hoạch, rà soát, đề xuất điều chỉnh trong trường hợp cần thiết theo quy định.

**3.** Các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý, triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các nội dung của Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh: Phú Thọ, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Như Điều 4;
- Văn phòng UBND tỉnh (LĐ, CVCK, TTTT);
- Lưu: VT, THKT (Loan).

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đình Việt**